

DANH SÁCH TRẢ TIỀN CHO SINH VIÊN CÓ THẺ BẢO HIỂM Y TẾ TRÙNG HẠP

NĂM 2019

(Căn cứ công văn số 408/QĐ-BHXH ngày 17 tháng 04 năm 2019 của Bảo hiểm Xã hội TP. Hồ Chí Minh về việc hoàn trả tiền BHYT HSSV)

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	16000954	Hồ Quang Trường	16CĐ-CTM1	02/06/1998	386.184		
2	16002612	Nguyễn Duy Tân	16CĐ-CTM2	09/10/1998	386.184		
3	16002403	Nguyễn Trọng Sang	16CĐ-ĐCN3	19/04/1998	386.184		
4	16001603	Lý Thành Đạt	16CĐ-ĐCN4	11/05/1997	386.184		
5	16002371	Lê Minh Chung	16CĐ-ĐL2	03/04/1998	386.184		
6	16003003	Nguyễn Thị Cúc	16CĐ-MTT2	10/10/1997	386.184		
7	16003406	Đoàn Thị Thùy Linh	16CĐ-MTT2	20/02/1998	386.184		
8	16002511	Nguyễn Thị Ánh Ly	16CĐ-MTT2	20/04/1998	386.184		
9	16003535	Dụng Thị Ánh Tuyết	16CĐ-MTT2	17/11/1997	386.184		
10	16000354	Phan Anh Quốc	16CĐN-Ô1	13/07/1994	386.184		
11	16001344	Huỳnh Văn Bình	16CĐ-Ô2	11/01/1998	386.184		
12	16001356	Hồ Ngọc Duy	16CĐ-Ô2	20/12/1998	386.184		
13	16001576	Lê Cao Nghị	16CĐ-Ô3	15/06/1998	386.184		
14	16001510	Trần Anh Tuấn	16CĐ-Ô3	08/03/1998	386.184		
15	16003250	Nguyễn Bá Thịnh	16CĐ-TW1	23/02/1997	386.184		
16	16000470	Nguyễn Trung Đoàn	16TCN-Đ	31/01/2000	386.184		
17	17004160	Đặng Phương Thành	17C1-CCK1	10/11/1997	386.184		
18	17002735	Nguyễn Xuân Tâm	17C1-CCK5	12/06/1999	386.184		
19	17004613	Lê Minh Quốc	17C1-CĐT1	03/11/1999	386.184		
20	17002023	Phan Văn Kiên	17C1-CNL1	22/02/1999	386.184		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN	GHI CHÚ
21	17000456	Nguyễn Văn Quốc Duy	17C1-CNÔ1	08/04/1999	386.184		
22	17000314	Phan Văn Khang	17C1-CNÔ1	25/05/1998	386.184		
23	17000313	Phan Văn Khánh	17C1-CNÔ1	25/05/1998	386.184		
24	17002659	Nguyễn Chí Tâm	17C1-CNÔ12	10/06/1999	386.184		
25	17003187	Đặng Hoàng Nam	17C1-CNÔ13	17/01/1998	386.184		
26	17001675	Nguyễn Quốc Trung	17C1-CNÔ8	28/05/1999	386.184		
27	17001441	Hoàng Nam Vang	17C1-ĐCN1	06/05/1999	386.184		
28	17003652	Trần Tiến Đạt	17C1-ĐCN4	20/06/1999	386.184		
29	17004064	Lê Minh Tiến	17C1-KML2	29/04/1999	386.184		
30	17002505	Lê Tấn Minh	17C1-KTD1	18/10/1999	386.184		
31	17004409	Nguyễn Trường Phước	17C1-LTM2	09/03/1998	386.184		
32	17000168	Nguyễn Tuấn Việt	17T4-CNÔ1	15/01/2002	386.184		
33	18003335	Lê Vũ Phong	18C1-BCN1	09/09/2000	386.184		
34	18001727	Lê Văn Đài	18C1-CCK1	31/05/2000	386.184		
35	18001688	Nguyễn Văn Quang	18C1-CCK1	06/08/2000	386.184		
36	18002189	Hồ Đông Nam	18C1-CCK2	30/10/2000	386.184		
37	18002911	Nguyễn Văn An	18C1-CCK3	04/07/2000	386.184		
38	18003284	Huỳnh Tấn Sang	18C1-CCK4	06/03/2000	386.184		
39	18003093	Nguyễn Nhật Linh	18C1-CCK4	30/10/2000	386.184		
40	18003762	Nguyễn Tấn Thành	18C1-CCK5	19/04/2000	386.184		
41	18003903	Nguyễn Quốc Việt	18C1-CCK5	18/08/2000	386.184		
42	18003924	Nguyễn Phúc	18C1-CCK6	24/03/2000	386.184		
43	18004309	Nguyễn Long Phi	18C1-CCK7	16/08/2000	386.184		
44	18005061	Nguyễn Ngọc Thuận	18C1-CCK9	12/06/1996	386.184		
45	18000500	Lê Việt Yên	18C1-CMT1	02/12/1976	386.184		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN	GHI CHÚ
46	18002363	Trương Lê	Văn	18C1-CNÔ10	13/10/2000	386.184		
47	18002388	Nguyễn Chí	Thông	18C1-CNÔ11	23/04/2000	386.184		
48	18002757	Phạm Quang	Đời	18C1-CNÔ13	25/10/2000	386.184		
49	18002835	Phan Hoài	Linh	18C1-CNÔ13	02/06/2000	386.184		
50	18002879	Nguyễn Đức	Linh	18C1-CNÔ14	30/04/2000	386.184		
51	18003048	Võ Minh	Điện	18C1-CNÔ15	17/10/2000	386.184		
52	18003122	Đoàn Thanh	Minh	18C1-CNÔ15	25/12/1999	386.184		
53	18003046	Mai Văn	Ngọc	18C1-CNÔ15	10/11/1999	386.184		
54	18004271	Nguyễn Hoàng	Kim	18C1-CNÔ19	15/06/2000	386.184		
55	18001868	Nguyễn Đào Minh	Tiền	18C1-CNÔ6	04/04/2000	386.184		
56	18001889	Nguyễn Anh	Tuấn	18C1-CNÔ6	15/03/2000	386.184		
57	18001920	Bùi Quốc	Đạt	18C1-CNÔ7	12/08/2000	386.184		
58	18001693	Nguyễn Thành	Long	18C1-CTM1	15/05/2000	386.184		
59	18005032	Đỗ Huỳnh Minh	Quang	18C1-CTM2	25/10/2000	386.184		
60	18004814	Nguyễn Ngọc	Triết	18C1-CTM2	20/11/2000	386.184		
61	18002469	Nguyễn Văn	Tiền	18C1-ĐCN1	29/01/2000	386.184		
62	18004901	Nông Hoàng	Son	18C1-ĐCN4	17/11/2000	386.184		
63	18004687	Cao Minh	Phúc	18C1-ĐĐT3	09/11/2000	386.184		
64	18000151	Huỳnh Tấn	Dũng	18C1-KML1	02/08/1999	386.184		
65	18002564	Lê Thanh	Nhàn	18C1-KTD1	09/09/2000	386.184		
66	18005672	Nguyễn Thị Lan	Tuyên	18C1-KTD2	31/08/1999	386.184		
67	18005329	Nguyễn Minh	Hiếu	18C1-NNA2	14/08/1996	386.184		
68	18005071	Lê Thị Cẩm	Nhung	18C1-NNA2	20/04/2000	386.184		
69	18005164	Nguyễn Trần Thuy	Phượng	18C1-NNA2	10/01/1997	386.184		
70	18005373	Nguyễn Duy	Quý	18C1-TĐH2	20/02/1999	386.184		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN	GHI CHÚ
71	18002459	Lê Minh	Tâm	18C1-TMĐ1	17/01/2000	386.184		
72	18005468	Huỳnh Chí	Bảo	18C1-VSL1	09/12/2000	386.158		
73	18003428	Nguyễn Thành	Tuân	18C1-VSL2	13/10/2000	386.184		
74	18002248	Nguyễn Thanh	Duy	18C1-VSL3	13/06/2000	386.184		
75	18004809	Phạm Tấn	Ninh	18C1-VSL3	19/11/2000	386.184		
76	18005747	Nguyễn Thanh	Sang	18C2-CNÔ1	07/11/1993	386.184		
77	18005342	Lê Cẩm	Nghĩa	18C2-ĐĐT1	17/05/1994	386.184		
78	18005693	Lý Đức	Phát	18C2-ĐĐT1	19/05/1999	386.184		
79	18002701	Nguyễn Phạm Đan	Trường	18T2-CNÔ1	06/04/2000	386.184		
80	18003675	Lê Bá	Linh	18T4-CCK1	01/11/2003	386.184		
81	18000216	Lê Quốc	Vũ	18T4-CNÔ1	02/06/2003	386.184		
82	18001284	Dư Hữu	Phát	18T4-CNÔ5	07/10/2003	386.184		
83	18002513	Hoàng Đức	Long	18T4-CNÔ6	29/08/2000	386.184		
84	18003378	Nguyễn Thị Bích	Quyên	18T4-KTD1	07/10/2003	386.184		
85	18001319	Nguyễn Ngọc	Vinh	18T4-THU1	12/09/2002	386.184		
86	18005419	Trịnh Tiến	Chỉnh	18T4-TKĐ2	06/11/2002	386.184		
TỔNG CỘNG:						33.211.798		
Bằng chữ: Ba mươi ba triệu hai trăm mười một ngàn bảy trăm chín mươi tám đồng chẵn.								

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP BẢNG



Phạm Hữu Lộc



Nguyễn Kính



Trang Thị Xuân Uyên